



Tờ Dữ Liệu An Toàn

ĐOẠN 1 NHẬN DIỆN SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Talcor OGP-4 #000

Sử dụng sản phẩm: Keo Dán

(Các) số sản phẩm: 571418

Nhận diện công ty

Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

Lô F4 - Khu Công nghiệp Đình Vũ - An Hải

Hải Phòng

Việt Nam

Phản Ứng khẩn cấp khi vận chuyển

Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Đặt tại Hoa Kỳ. Nhận điện thoại quốc tế người nhận trả. (800) 231-0623 hay (510) 231-0623

Sức khỏe khẩn cấp

Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Đặt tại Hoa Kỳ. Nhận điện thoại quốc tế người nhận trả. (800) 231-0623 hay (510) 231-0623

Thông tin sản phẩm

điện thư : CLVLTech@chevron.com

Thông tin sản phẩm: +84-4-37332545

Số FAX: +84-4-37332555

ĐOẠN 2 NHẬN DẠNG CHẤT NGUY HIỂM

XẾP LOẠI:

- Chất độc đối với sinh sản (phát triển): Loại 1B.
- Chất độc cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Loại 3.
- Chất độc mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Loại 3.



Từ Ngữ Báo Hiệu: Nguy hiểm

Những mối nguy hiểm về sức khỏe:

- Có thể gây hại thai nhi.

Những mối nguy hiểm về môi trường:

- Gây hại lâu dài đến đời sống thủy sinh.

ĐỀ PHÒNG

Ngăn ngừa:

- Thâu thập hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
- Không xử lý cho đến khi đọc kỹ và hiểu rõ tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn.
- Tránh thải ra môi trường.

- Đeo găng tay bảo hộ, quần áo bảo hộ, thiết bị bảo vệ mắt và bảo vệ mặt.

Hồi báo:

- NẾU đã tiếp xúc hoặc lo ngại về điều đó: Nên người hồi ý kiến / chăm sóc y tế.

Lưu trữ:

- Bảo quản có khóa.

Thải bỏ:

- Thải bỏ vật liệu bên trong và thùng chứa theo các quy định hiện hành của địa phương, khu vực, quốc gia, và quốc tế.

ĐOẠN 3 CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

THÀNH PHẦN	SỐ CAS	SỐ LƯỢNG
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	Hỗn hợp	35 - 75 % trọng lượng
Đá talc	14807-96-6	5 - 15 % trọng lượng
Than chì	7782-42-5	5 - 10 % trọng lượng
Than đen	1333-86-4	1 - 10 % trọng lượng
Silicic acid, không thân nước	68611-44-9	1 - 5 % trọng lượng
Ditiocacbammat ankyl antimon	15890-25-2	1 - 2.5 % trọng lượng
Axit ankanoic, muối kẽm	Bí mật kinh doanh	0.1 - < 1 % trọng lượng
Chưng cất, thẳng chạy giữa (dầu khí, nhẹ)	64741-44-2	0.1 - 1 % trọng lượng
Các sản phẩm của phản ứng 4-methyl-2-pentanol và diphosphorus pentasulfide, propoxyl hóa, ester hóa với diphosphorus pentaoxide muối hóa với amines, C12-14-tert-alkyl	Hỗn hợp	0.1 - < 1 % trọng lượng
C16-18- (chẵn, no và không no) -alkylamines	1213789-63-9	0.1 - < 1 % trọng lượng
Polysunfua olefin	Bí mật kinh doanh	0.1 - < 1 % trọng lượng
Muối amin, este axit photphoric	Hỗn hợp	0 - < 1 % trọng lượng

ĐOẠN 4 PHƯƠNG PHÁP SƠ CỨU

Mắt: Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Để phòng ngừa, tháo kính áp tròng ra nếu có mang, và xối rửa mắt bằng nước.

Da: Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Để phòng ngừa, tháo quần áo và giày dép nếu bị thấm nhiễm. Để gột hết chất này ra khỏi da, sử dụng xà bông và nước. Hãy thải bỏ quần áo và giày dép đã thấm nhiễm hoặc giặt rửa thật kỹ trước khi dùng lại.

Ăn: Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Đừng làm nôn mửa. Biện pháp để phòng là hồi ý kiến y tế.

Hít vào: Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Nếu tiếp xúc chất liệu trong không khí ở mức quá cao, đưa người bị tiếp xúc ra chỗ không khí trong lành. Hãy đến nơi chăm sóc y tế nếu bị ho hay khó chịu ở đường hô hấp.

ẢNH HƯỞNG SỨC KHỎE TRỰC TIẾP

Mắt: Dự kiến không gây xốn mắt kéo dài hay nghiêm trọng.

Da: Thông tin về trang thiết bị cao áp: Nếu ngẫu nhiên tiêm phun các chất loại này vào dưới da ở tốc độ cao thì có thể gây thương tích trầm trọng. Khi lỡ xảy ra tai nạn như vậy thì phải tìm nơi chăm sóc y tế ngay. Lúc đó vết thương ban đầu tại chỗ tiêm phun dường như chẳng có gì trầm trọng, nhưng nếu bỏ lơ không chữa trị thì có thể bị biến dạng hoặc phải cắt bỏ phần cơ thể bị ảnh hưởng. Dự kiến sẽ không gây ngứa kéo dài hoặc đáng kể khi tiếp xúc với da. Dự kiến sẽ không gây dị ứng da khi tiếp xúc với da. Dự kiến không gây hại cho cơ quan nội tạng nếu hấp thu qua da.

Ăn: Dự kiến không gây hại nếu nuốt vào.

Hít vào: Dự kiến không gây hại nếu hít phải. Chứa dầu khoáng gốc dầu mỏ. Có thể bị bứt rứt hô hấp

hoặc tác động khác lên phổi sau khi xông hít sương dầu trong một thời gian dài hoặc lặp đi lặp lại ở nồng độ (trong không khí) cao hơn giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm đã khuyến nghị đối với sương dầu khoáng. Triệu chứng ngứa mắt hệ hô hấp có thể bao gồm ho và khó thở.

ẢNH HƯỞNG SỨC KHỎE CHẠM HAY ẢNH HƯỞNG KHÁC:

Sinh sản và khuyết tật bẩm sinh: Nuốt chất này có thể gây hại cho thai nhi dựa theo dữ liệu trên thú vật.

Xem Đoạn 11 để biết thêm thông tin. Rủi ro tùy theo khoảng thời gian và mức tiếp xúc.

Lưu ý cho bác sĩ: Trong một tai nạn liên quan đến thiết bị áp lực cao, sản phẩm này có thể bị phun sâu vào da. Tai nạn như vậy có thể tạo ra vết thủng nhỏ, đôi khi không chảy máu. Tuy nhiên, do lực truyền, chất liệu tiêm vào đầu ngón tay có thể lắng nơi lòng bàn tay. Trong vòng 24 giờ, thường bị sưng nhiều, đổi màu, và đau nhói. Nên chữa trị ngay tại trung tâm phẫu thuật khẩn cấp.

ĐOẠN 5 PHƯƠNG PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN DẬP TẮT: Dùng màn nước, chất bột, hóa chất khô hay dioxit cacbon (CO₂) để dập lửa.

Các Môi nguy Hỏa hoạn Bất thường: Rò rỉ / thùng vỡ trong hệ thống cao áp sử dụng chất loại này có thể gây hiểm họa hỏa hoạn khi ở gần nguồn gây cháy (ví dụ: lửa ngọn, đèn báo, tia lửa, hoặc cung lửa điện (hồ quang)).

BẢO VỆ LÍNH CỨU HỎA:

Chỉ dẫn chữa cháy: Chất này sẽ cháy, mặc dù không dễ gì kích hỏa. Xem Đoạn 7 để biết cách xếp dỡ và bảo quản đúng quy định. Khi xảy ra hỏa hoạn liên can đến chất này thì đừng đi vào bất cứ nơi quây kín hoặc chật hẹp bí bưng nào đang cháy mà không có trang bị bảo vệ thích hợp, kể cả dụng cụ thở độc lập.

Sản phẩm đốt cháy: Tùy thuộc rất lớn vào điều kiện cháy. Một hỗn hợp phức chất – gồm các thành phần đặc, lỏng và khí, trong đó kể cả monoxit cacbon, dioxit cacbon, và hợp chất hữu cơ chưa rõ gốc tích – sẽ sinh ra trong không khí khi chất này đang cháy. Khi đốt cháy thì có thể tạo thành các oxit: Antimon, Silic, Lưu huỳnh .

ĐOẠN 6 PHƯƠNG PHÁP GIẢM TAI NẠN

Phương pháp bảo vệ: Tuân thủ tất cả các quy định địa phương và quốc tế có liên quan. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy ở khu vực gần chất liệu chảy tràn. Cấm các nhân viên không liên quan và không được bảo hộ. Những người đi vào khu vực đã thấm nhiễm để sửa chữa sự cố – hoặc để xác định có an toàn cho việc tiếp tục hoạt động bình thường hay không – đều phải tuân thủ mọi chỉ dẫn trong phần Kiểm Soát Tiếp Xúc / Bảo Vệ Cá Nhân.

Kiểm soát chảy tràn: Dọn sạch vết loang ngay lập tức, xem chỉ dẫn đề phòng trong đoạn Kiểm Soát Tiếp Xúc / Bảo Vệ Cá Nhân. Hãy chặn đứng nguồn phóng thích nếu có thể thực hiện mà không bị nguy cơ rủi ro nào. Nên khổng chế chất thoát ra để ngăn ngừa tiếp tục thấm nhiễm mặt đất, nước mặt hay nước ngầm. Dọn sạch vết loang càng sớm càng tốt ngay khi có thể, và nhớ tuân thủ biện pháp đề phòng ghi trong phần Kiểm Soát Tiếp Xúc / Bảo Vệ Cá Nhân. Nên dùng những kỹ thuật thích hợp, ví dụ như áp dụng phương pháp bơm hoặc sử dụng chất hấp thu nhanh nhưng khó cháy. Nếu khả thi và thích hợp thì dỡ bỏ lớp đất đã thấm nhiễm. Hãy đặt chất đã thấm nhiễm vào thùng chứa 'chỉ dùng một lần' rồi thải bỏ theo cách thức phù hợp với quy định hiện hành.

Báo cáo: Báo cáo vết dầu loang cho chính quyền địa phương khi thích hợp hoặc cần thiết.

ĐOẠN 7 XẾP DỠ VÀ BẢO QUẢN

Thông tin xếp dỡ chung: Tránh làm thấm nhiễm vào đất hoặc phóng thích chất này vào hệ thống thoát nước và cống rãnh cũng như các khu vực chứa nước.

Phương pháp phòng ngừa: KHÔNG SỬ DỤNG TRONG CÁC HỆ CAO ÁP ở gần ngọn lửa, tia lửa và bề mặt nóng bỏng. Chỉ dùng tại nơi thông thoáng tốt. Nhớ luôn luôn đậy kín thùng chứa. Không để dính

vào mắt, trên da hoặc quần áo. Rửa kỹ sau khi xử lý.

Nguy hiểm tĩnh: Tĩnh điện có thể tích tụ và gây ra tình trạng nguy hiểm khi xử lý chất này. Có thể cần phải giữ chặt và tiếp đất để giảm thiểu hiểm họa này, nhưng bản thân những điều đó có thể là chưa đủ. Hãy xem lại mọi hoạt động có thể tạo ra và tích tụ tĩnh điện và / hoặc môi trường không khí dễ cháy (kể cả việc châm đầy bồn chứa và thùng chứa, châm đầy kiểu bắn tóe, làm vệ sinh bồn chứa, lấy mẫu, đo đặc, bật công tắc, lọc lựa, trộn, khuấy, hoạt động hút chân không) và vận dụng các phương thức thích hợp để giảm thiểu nguy cơ.

Cảnh Báo Trên Thùng Hàng: Thùng chứa không dùng để chịu áp suất cao. Không dùng áp lực để thổi sạch thùng chứa, vì nó có thể thủng vỡ với lực nổ mạnh. Các thùng chứa rỗng còn vương lại cặn sản phẩm (ở thể đặc, lỏng, và / hoặc hơi) và có thể rất nguy hiểm. Đừng tăng áp, cắt, hàn điện, hàn đồng, hàn hợp kim, khoan, mài, hoặc phơi bày thùng chứa như thế ra trước nhiệt, ngọn lửa, tia lửa, tĩnh điện, hoặc nguồn kích hỏa khác. Chúng có thể nổ tung và gây thương tật hoặc tử vong. Nên xả thùng ỗng rỗng hoàn toàn, đậy kín và nhanh chóng trả lại cho nơi tân trang thùng hay bỏ đúng cách.

ĐOẠN 8 KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

THẬN TRỌNG CHUNG:

Hãy cân nhắc những hiểm họa tiềm tàng của chất này (xem Đoạn 2), các giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm hiện hành, hoạt động cần thực hiện trong công việc – cùng với những chất khác tại nơi làm việc – khi thiết kế biện pháp kiểm soát kỹ thuật và chọn trang thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE). Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật hoặc các cách thực hành công việc không phù hợp để ngăn ngừa việc tiếp xúc với mức độ có hại của vật liệu này, hãy tham khảo thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) được trình bày bên dưới.

Các yếu tố ảnh hưởng đến PPE bao gồm, nhưng không giới hạn là: đặc tính của hóa chất, các hóa chất khác có thể tiếp xúc với cùng một PPE, các nhu cầu vật lý (cách ráp và kích thước, bảo vệ cắt / đâm thủng, sự khéo léo, bảo vệ nhiệt, v.v.), và các phản ứng dị ứng tiềm ẩn đối với vật liệu dùng trong thiết bị bảo vệ cá nhân. Người sử dụng có trách nhiệm đọc và hiểu tất cả các hướng dẫn và giới hạn được cung cấp cùng với thiết bị vì biện pháp bảo vệ thường được cung cấp trong một thời gian giới hạn hoặc trong một số trường hợp nhất định.

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT:

Sử dụng hệ thống thông gió chung, thông gió cục bộ hoặc sự kết hợp cả hai.

THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ mắt / mặt: Mang trang thiết bị bảo vệ để tránh vẩy vào mắt. Loại trang thiết bị bảo vệ có thể lựa chọn là kính an toàn, kiếng bảo hộ chống hóa chất, tấm che mặt, hoặc kết hợp nhiều loại, tùy vào công việc cần thực hiện.

Bảo vệ da: Mang thiết bị bảo vệ cá nhân chống hóa chất (PPE) để tránh sự tiếp xúc với da. Việc lựa chọn quần áo bảo vệ chống hóa chất phải do một Chuyên gia Vệ sinh Lao động hoặc An toàn thực hiện và dựa trên các tiêu chuẩn hiện hành (ASTM F739 hoặc EN 374). Việc sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) hóa học tùy thuộc vào các hoạt động được tiến hành và có thể bao gồm găng tay chống hóa chất, ủng, tạp dề chống hóa chất, bộ đồ chống hóa chất và việc bảo vệ da mặt hoàn chỉnh. **Tham khảo các nhà sản xuất thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) để có thông tin về thời gian đột phá nhằm xác định thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) có thể được sử dụng trong bao lâu trước khi cần thay thế.** Trừ khi dữ liệu cụ thể của nhà sản xuất găng tay chỉ ra khác, bảng dưới đây dựa trên dữ liệu công nghiệp có sẵn để hỗ trợ quá trình lựa chọn găng tay và dự kiến chỉ được sử dụng làm tài liệu tham khảo.

Vật liệu găng tay hóa học	Độ dày (mm)	Thời gian đột phá tiêu biểu (phút)
Butyl	0.7	60
Neopren	0.61	60
Nitril	0.8	7
Clorua Polyvinyl (PVC)	1.1	60

Viton Butyl	0.3	60
-------------	-----	----

Bảo vệ hô hấp: Nói chung không đòi hỏi trang bị bảo vệ hô hấp. Nếu hoạt động của người sử dụng tạo ra sương từ dầu thì xác định xem nồng độ trong không khí có ở dưới giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm trong nghề nghiệp – đối với sương dầu khoáng – hay không. Nếu không thì đeo mặt nạ thở đã được phê chuẩn nào có mức bảo vệ thỏa đáng đối với nồng độ chất đo được. Nên dùng hộp lọc hạt vụn cho mặt nạ thở thanh lọc không khí.

Nên đeo mặt nạ cung cấp không khí (áp lực dương) trong trường hợp mặt nạ lọc khí có thể không bảo vệ đầy đủ.

Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp:

Thành phần	Quốc gia/ Cơ quan	Dạng	TWA	STEL	Trần nhà	Chú thích
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	ACGIH	--	5 mg/m ³	10 mg/m ³	--	--
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	Việt Nam	Sương	5 mg/m ³	10 mg/m ³	--	--
Đá talc	ACGIH	Phần có thể hít	2 mg/m ³	--	--	--
Than chì	ACGIH	Phần có thể hít	2 mg/m ³	--	--	--
Than đen	ACGIH	--	3.5 mg/m ³	--	--	--
Than đen	ACGIH	Phần có thể hít	3 mg/m ³	--	--	--
Than đen	Việt Nam	--	3.5 mg/m ³	7 mg/m ³	--	--
Silicic acid, không thân nước	ACGIH	Hạt có thể hít	10 mg/m ³	--	--	--
Silicic acid, không thân nước	ACGIH	Hạt có thể hít	3 mg/m ³	--	--	--
Ditiocacbammat ankyl antimon	ACGIH	--	0.5 mg/m ³	--	--	--

Nên tham vấn với chánh quyền địa phương để biết giá trị thích hợp.

ĐOẠN 9 THÀNH PHẦN LÝ HÓA

Chú ý: dữ liệu dưới đây là giá trị tiêu biểu và không phải là chi tiết kỹ thuật.

Màu sắc: Màu đen

Trạng thái vật lý: Bán rắn

Mùi: Mùi dầu mỏ

Ngưỡng mùi: Không có sẵn dữ liệu

pH: Không áp dụng

Áp suất hơi: Không có sẵn dữ liệu

Mật độ tương đối của hơi nước: Không có sẵn dữ liệu

Điểm sôi: Không có sẵn dữ liệu

Độ hòa tan: Hòa tan trong hydrocacbon; không tan trong nước

Điểm đông: Không có sẵn dữ liệu

Điểm tan chảy: Không có sẵn dữ liệu

Tính chất của hạt: Không có sẵn dữ liệu

Tỉ trọng: Không có sẵn dữ liệu

Độ nhớt động học: Không có sẵn dữ liệu

Hệ số của Nhiệt độ Giãn nở / °F: Không có sẵn dữ liệu

Tốc độ bay hơi: Không có sẵn dữ liệu

Hệ số phân bố n-octanol/nước (giá trị logarit): Không có sẵn dữ liệu

ĐẶC TÍNH DỄ BẮT CHÁY:

Điểm bốc cháy: (Thử nghiệm Open Cup Cleveland) 200 °C (392 °F) (Tối thiểu)

Tự bốc cháy: Không có sẵn dữ liệu

Giới hạn dễ bắt lửa (Cháy Nổ) (% theo số lượng trong không khí): Thấp hơn: Không có sẵn dữ liệu
Cao hơn: Không có sẵn dữ liệu

ĐOẠN 10 ĐỘ BỀN VỮNG VÀ PHẢN ỨNG

Phản ứng: Có thể phản ứng với axit mạnh hay chất oxy hóa mạnh, như clorat, nitrat, peroxit, v. v...

Độ bền vững hóa học: Chất này được cho là ổn định trong điều kiện nhiệt độ và áp lực xung quanh thông thường và xếp dỡ và bảo quản lưỡng trước.

Không tương thích với các chất liệu khác: Không áp dụng

Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Chưa biết (Chưa nghĩ đến)

Trùng hợp (polime hóa) nguy hiểm: Sẽ không xảy ra quá trình polyme hóa nguy hại.

ĐOẠN 11 THÔNG TIN ĐỘC TỐ

Xổn mắt: Chất này không được coi là chất gây kích ứng mắt. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Độc tính da cấp tính: Chất này không được coi là chất độc qua da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Ngứa da: Chất này không được coi là chất gây kích ứng da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Nhạy cảm da: Chất này không được coi là chất gây mẫn cảm cho da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Độc tố cấp tính qua đường miệng: Chất này không được coi là chất độc qua đường miệng. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Độc tố cấp tính hít vào: Chất này không được coi là chất độc qua đường hô hấp. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Ước tính độc tố cấp tính: Chưa xác định

Khả Năng Gây Đột Biến Gien: Chất này không được coi là chất gây Đột biến Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Khả Năng Gây Ung Thư: Chất này không được coi là chất gây ung thư. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Độc Sinh Sản: Chất này có thể gây tổn hại cho thai nhi. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Chất độc đối với cơ quan nội tạng xác định - tiếp xúc một lần: Chất này không được coi là chất độc cơ quan đích (phơi nhiễm một lần). Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Chất độc đối với cơ quan nội tạng xác định - tiếp xúc lặp lại: Chất này không được coi là chất độc cơ quan đích (phơi nhiễm lặp lại). Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc

đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Độc tính Hít phải: Chất này không được coi là một mối nguy hại hô hấp.

THÔNG TIN THÊM VỀ ĐỘC TÍNH:

Sản phẩm này có dầu gốc có thể được tinh chế bằng những tiến trình khác nhau bao gồm chiết xuất dung môi, cracking hydro, hay xử lý hydro mạnh. Không có loại dầu nào đòi hỏi có cảnh báo ung thư theo Tiêu Chuẩn Loan Báo Hiểm Họa của OSHA (29 CFR 1910. 1200). Những loại dầu này chưa được nêu trong Báo Cáo Thường Niên của Chương Trình Nghiên Cứu Độc Chất Quốc Gia (National Toxicology Program, hay NTP) hay được Cơ Quan Quốc Tế Nghiên Cứu Ung Thư (International Agency for Research on Cancer, hay IARC) xếp loại là; chất gây ung thư cho con người (Nhóm 1), có thể gây ung thư cho con người (Nhóm 2A), hay có khả năng gây ung thư cho con người (Nhóm 2B). Các loại dầu này chưa được Hội Nghị Mỹ Các Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp Chính Phủ (American Conference of Governmental Industrial Hygienists, hay ACGIH) xếp loại là: chất xác định gây ung thư ở con người (A1), chất nghi ngờ gây ung thư ở con người (A2), hay chất xác định gây ung thư ở động vật có liên quan chưa biết đến con người (A3).

ĐOẠN 12 THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH SINH THÁI

Dự kiến chất này độc hại cho thủy sinh vật và có thể gây tác động dài hạn ngoại ý cho môi trường thủy sinh.

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

CHUYỂN ĐỘNG

Không có sẵn dữ liệu.

ĐỘ BỀN BỈ VÀ PHÂN HỦY

Dự kiến chất này không dễ phân hủy sinh học. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

CÓ KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC

Yếu tố nồng độ sinh học: Không có sẵn dữ liệu.

Hệ số phân bố n-octanol/nước (giá trị logarit): Không có sẵn dữ liệu

ĐOẠN 13 CẢNH THẬN KHI VƯỢT BỎ

Sử dụng chất liệu cho mục đích định sẵn hay tái chế nếu có thể. Hiện đang có dịch vụ thu gom dầu đã sử dụng để tái chế hoặc tiêu hủy. Hãy đặt chất liệu đã thấm nhiễm vào thùng chứa rồi bỏ theo cách thức phù hợp với quy định hiện hành. Nên liên lạc với đại diện bán hàng của bạn hoặc cơ quan địa phương có thẩm quyền về môi trường hoặc sức khỏe để biết các phương pháp tái chế hay tiêu hủy đã được phê chuẩn.

ĐOẠN 14 THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Mô tả trình bày không áp dụng cho tất cả các trường hợp gởi hàng. Tham khảo 49CFR, hay Quy Định Hàng Hóa Nguy Hiểm (Dangerous Goods Regulations) thích hợp để biết thêm các đòi hỏi mô tả khác (chẳng hạn như tên kỹ thuật) và đòi hỏi gởi hàng theo cách đặc biệt hay theo số lượng đặc biệt.

Mô Tả Gởi Hàng UN: NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER THE UNITED NATIONS MODEL REGULATIONS/RECOMMENDATIONS

Mô tả gởi hàng IMO / IMDG: NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER THE IMDG CODE

Mô tả gói hàng ICAO / IATA: NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER ICAO

Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và bộ luật IBC: Không áp dụng

ĐOẠN 15 THÔNG TIN QUY ĐỊNH

DÒ TÌM DANH SÁCH QUY ĐỊNH:

01-1=IARC Nhóm 1
01-2A=IARC Nhóm 2A
01-2B=IARC Nhóm 2B

Các thành phần sau đây của chất này đều có tên trong danh sách bị kiểm soát đã chỉ định.

Đá talc 01-1, 01-2B

Than đen 01-1, 01-2B

DANH SÁCH HÓA CHẤT:

Mọi thành phần đều phù hợp với các yêu cầu kiểm kê hóa chất sau đây: AIIIC (Úc), DSL (Canada), IECSC (Trung Quốc), KECI (Hàn Quốc), NZIoC (Tân Tây Lan), PICCS (Philippin), TSCA (Hoa Kỳ).

Một hay nhiều thành phần không phù hợp với các yêu cầu kiểm kê hóa chất sau đây: ENCS (Nhật Bản).

ĐOẠN 16 CÁC THÔNG TIN KHÁC

BÁO CÁO DUYỆT LẠI: ĐOẠN 02 - ĐỀ PHÒNG thông tin đã được sửa.

ĐOẠN 03 - Thành Phần thông tin đã được sửa.

ĐOẠN 04 - SƠ CỨU - Đa thông tin đã được sửa.

ĐOẠN 06 - Biện Pháp Đề Phòng Cá Nhân, Trang Bị Bảo Hộ và Quy Trình Xử Lý Khẩn Cấp thông tin đã được sửa.

ĐOẠN 11 - ẢNH HƯỞNG SỨC KHỎE TRỰC TIẾP - Đa thông tin đã được sửa.

ĐOẠN 11 - THÔNG TIN ĐỘC TỐ thông tin đã được sửa.

ĐOẠN 14 - Phân loại theo Tổ Chức Hàng Hải Quốc Tế (IMO) thông tin đã được bổ sung.

Ngày duyệt lại: Tháng Bảy 16, 2024

CÁC CHỮ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU NÀY:

TLV - Giá trị giới hạn ngưỡng	TWA - Trung bình trọng lượng thời gian
STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn	PEL - Giới hạn tiếp xúc cho phép
	CAS - Số Dịch Vụ Tóm Tắt Hóa Chất
ACGIH - American Conference of Governmental Industrial Hygienists	IMO/IMDG - International Maritime Dangerous Goods Code
API - American Petroleum Institute	SDS - Tờ Dữ Liệu An Toàn
CVX - Chevron	NFPA - National Fire Protection Association (USA)
	NTP - National Toxicology Program (USA)
IARC - International Agency for Research on Cancer	

Được soạn theo Luật Hóa chất số 6/2007/QH12 bởi Trung tâm Kỹ thuật Chevron.

Thông tin trong tờ dữ liệu an toàn này dựa trên kiến thức, thông tin và sự tin tưởng của Chevron và các chi nhánh của công ty vào ngày xuất bản. Đây không phải là một thông số kỹ thuật về chất lượng và không có bảo hành nào được đưa ra, rõ ràng hay ngụ ý. Chúng tôi không chịu trách nhiệm hoặc trách nhiệm pháp lý về kết quả của việc sử dụng tài liệu này. Thông tin được trình bày ở đây chỉ liên quan đến sản phẩm được liệt kê. Vì các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi nên người dùng có trách

nhiệm xác định các điều kiện sử dụng an toàn sản phẩm này và đánh giá tính phù hợp của sản phẩm đối với ứng dụng của họ. Người dùng nên tìm kiếm hướng dẫn bổ sung, nếu cần thiết.